

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM

(Giải trình BCTC kiểm toán bán niên năm 2015–Trụ sở chính)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình Báo cáo tài chính kiểm toán (trụ sở chính) năm 2015 chênh lệch số liệu so với báo cáo quý 2/2015 công ty tự quyết như sau:

1. So sánh chênh lệch số liệu:

ĐVT: VNĐ

Nội dung	Số liệu kiểm toán	Số liệu tự quyết	Tăng/giảm so với kiểm toán
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khách hàng(131)	171.647.856.284	165.870.056.891	5.777.799.393
Phải thu nội bộ ngắn hạn(133)	0	6.419.776.393	-6.419.776.393
Hàng tồn kho(141)	140.310.629.483	96.900.135.083	43.410.494.400
Tài sản thuế TNDN hoãn lại(262)	578.237.724	1.006.030.439	-427.792.715
Phải trả người bán ngắn hạn(311)	155.752.903.242	112.342.408.842	43.410.494.400
Người mua trả tiền trước(312)	36.989.148.763	37.631.125.763	641.977.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước(313)	2.185.571.570	2.410.990.096	-225.418.526
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này (421b)	17.226.250.450	17.428.624.639	-202.374.189

2. Giải trình cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

- So sánh bảng chênh lệch số liệu trên cho thấy đơn vị kiểm toán thay đổi số liệu Phải thu nội bộ ngắn hạn(133) 6.419.776.393VNĐ do công ty tự quyết, điều chỉnh Phải thu ngắn hạn khách hàng(131) tăng 5.777.799.393VNĐ và phân loại lại 641.977.000VNĐ vào Người mua trả tiền trước(312).
(6.419.776.393=5.777.799.393+641.977.000)
- Kiểm toán điều chỉnh Hàng tồn kho(141) tăng 43.410.494.400VNĐ lý do hàng mua tuy đang trên đường đi nhưng được xem như hàng hóa công ty thực nhận ảnh hưởng Phải trả người bán ngắn hạn(311) tăng 43.410.494.400VNĐ.
- Kiểm toán điều chỉnh Tài sản thuế TNDN hoãn lại (262) giảm 427.792.715VNĐ, Thuế và các

khoản phải nộp nhà nước(313) giảm 225.418.526VND, ảnh hưởng Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này (421b) giảm 202.374.189VND.

Do điều chỉnh và phân loại lại các số liệu nêu trên đã ảnh hưởng làm thay đổi các số liệu khác trong Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Đơn vị kiểm toán điều chỉnh Thuế TNDN và Chi phí thuế TNDN hoãn lại ảnh hưởng lợi nhuận sau thuế giảm 202.374.189VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán do ảnh hưởng bởi những điều chỉnh và thay đổi số liệu nêu trên, một vài số liệu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh, phân loại và trình bày lại nhưng không làm thay đổi số dư cuối kỳ.

Trân trọng và kính chào!

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Tổng giám đốc



Wang Ting Shu



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	414/GP 414/GPĐC 414/GPĐC1 414/GPĐC2 414/GPĐC3 414/GPĐC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCNĐC1-BKH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN 414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN 414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN 414/GCNĐC2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp	ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011 ngày 13 tháng 5 năm 2013
	Giấy phép đầu tư do có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư.	
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu Ông Chen Chung Kuang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở Chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc
Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-306




Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Trung Hoàn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		✓ 484.167.726.918	437.304.513.602
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	163.953.153.068	124.185.242.794
Tiền	111		43.953.153.068	24.185.242.794
Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	100.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		✓ 171.094.212.867	166.072.426.870
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	✓ 171.647.856.284	165.874.697.298
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		107.482.400	918.216.500
Phải thu ngắn hạn khác	136		746.583.336	687.222.225
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.407.709.153)	(1.407.709.153)
Hàng tồn kho	140	7	✓ 140.119.722.315	124.575.046.417
Hàng tồn kho	141		✓ 140.310.629.483	124.925.910.364
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(190.907.168)	(350.863.947)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.000.638.668	22.471.797.521
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.180.595.139	649.094.558
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15	7.651.233.529	21.580.765.963
Tài sản ngắn hạn khác	155		168.810.000	241.937.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		✓ 186.566.852.103	192.631.749.157
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		60.727.754.250	66.337.058.505
Tài sản cố định hữu hình	221	9	60.482.054.250	66.034.658.505
Nguyên giá	222		287.107.082.037	285.832.135.192
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.625.027.787)	(219.797.476.687)
Tài sản cố định vô hình	227	10	245.700.000	302.400.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(321.300.000)	(264.600.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	247.765.045
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	247.765.045

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

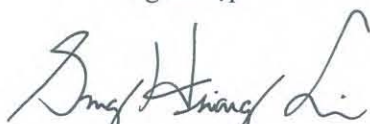
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn khác	260		✓ 3.037.450.416	3.245.278.170
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.459.212.692	2.239.247.731
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	578.237.724	1.006.030.439
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		✓ 670.734.579.021	629.936.262.759
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		✓ 343.202.871.044	308.080.103.125
Nợ ngắn hạn	310		✓ 343.202.871.044	308.080.103.125
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	✓ 155.752.903.242	125.982.507.460
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		✓ 36.989.148.763	14.443.259.819
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	✓ 2.185.571.570	2.558.844.895
Phải trả người lao động	314		3.157.235.193	4.404.241.340
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		886.323.524	941.013.364
Phải trả ngắn hạn khác	319		87.688.752	90.236.247
Vay ngắn hạn	320	16	144.144.000.000	159.660.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		✓ 327.531.707.977	321.856.159.634
Vốn chủ sở hữu	410	17	327.531.707.977	321.856.159.634
Vốn cổ phần	411	18	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	418	19	28.364.116.167	21.553.609.319
Lợi nhuận chưa phân phối	421		✓ 20.426.661.173	21.561.619.678
- LNST chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.200.410.723	(12.409.272.806)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		✓ 17.226.250.450	33.970.892.484
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		✓ 670.734.579.021	629.936.262.759

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

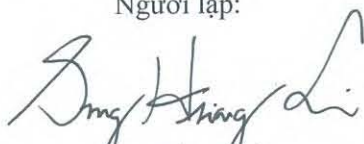
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	465.510.515.746	396.414.418.260
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	194.697.301
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	465.510.515.746	396.219.720.959
Giá vốn hàng bán	11	22	427.874.395.582	367.932.555.937
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		37.636.120.164	28.287.165.022
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.036.609.989	2.331.091.873
Chi phí tài chính	22	24	7.849.872.474	3.790.756.062
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.735.730.301</i>	<i>1.686.114.526</i>
Chi phí bán hàng	25		7.637.621.174	6.979.122.843
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.782.274.239	7.794.717.345
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		17.402.962.266	12.053.660.645
Thu nhập khác	31	25	3.589.935.130	3.069.989.103
Chi phí khác	32		762.521	562.334
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.589.172.609	3.069.426.769
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.992.134.875	15.123.087.414
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.338.091.710	525.277.468
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	427.792.715	216.444.691
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.226.250.450	14.381.365.255

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		20.992.134.875	15.123.087.414
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.884.251.100	6.317.597.457
Các khoản dự phòng	03		(159.956.779)	(452.667.951)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		2.786.725.498	1.168.781.445
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(227.280.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.877.717.329)	(2.125.327.569)
Chi phí lãi vay	06		1.735.730.301	1.686.114.526
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.361.167.666	21.490.305.322
Biến động các khoản phải thu	09		9.265.799.909	(7.907.671.891)
Biến động hàng tồn kho	10		(15.384.719.119)	(20.062.707.762)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		50.235.048.614	3.017.372.941
Biến động chi phí trả trước	12		(751.465.542)	233.464.622
			72.725.831.528	(3.229.236.768)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.791.975.299)	(1.850.116.110)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.708.957.155)	-
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.157.786.164)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		66.067.112.910	(5.079.352.878)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.027.181.800)	(460.339.066)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	227.280.000
Tiền thu từ các khoản đầu tư	26		-	1.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.758.995.107	1.851.369.236
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		1.731.813.307	2.618.310.170

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
-------	-------------	-------------------------------------	-------------------------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	119.948.704.750	139.576.200.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(137.586.804.750)	(110.972.800.000)
Tiền trả cổ tức	36	(10.392.915.943)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(28.031.015.943)	28.603.400.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	39.767.910.274	26.142.357.292
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	124.185.242.794	81.511.799.472
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	163.953.153.068	107.654.156.764

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Trụ sở chính có 282 nhân viên (31/12/2014: 253 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính này được Trụ sở chính lập và không bao gồm các báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) lập báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Trụ sở chính đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Trụ sở chính và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Trụ sở chính, nếu có, được trình bày trong Thuyết minh (4a).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau :

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Trụ sở chính và ngân hàng.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Trụ sở chính mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Trụ sở chính nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Trụ sở chính dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Trụ sở chính thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Trụ sở chính gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Trụ sở chính phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Tài sản tài chính được Trụ sở chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Trụ sở chính có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Trụ sở chính có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Trụ sở chính có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(I) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập, hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc có ý kiến rằng Trụ sở chính hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm chi nhánh Hải Dương, các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	476.607.000	364.611.000
Tiền gửi ngân hàng	43.476.546.068	23.820.631.794
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	100.000.000.000
<hr/>		
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	163.953.153.068	124.185.242.794
<hr/>		

6. Phải thu ngắn hạn khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	26.467.643.201	25.313.872.189
Công ty TNHH Quang Sáng	22.288.167.824	14.282.239.753
Công Ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	18.446.036.004	32.890.049.402
Khách hàng khác	104.446.009.255	93.388.535.954
<hr/>		
	171.647.856.284	165.874.697.298
<hr/>		

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	171.647.856.284	165.874.697.298
<hr/>		

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya – Chi nhánh Hải Dương	5.777.799.393	-
<hr/>		

Khoản phải thu thương mại từ chi nhánh Hải Dương không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	43.410.494.400	-	45.531.217.567	-
Nguyên vật liệu	19.084.895.957	-	18.866.790.317	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.631.345.082	(182.184.058)	2.070.763.907	(69.903.402)
Thành phẩm	75.183.894.044	(8.723.110)	58.457.138.573	(280.960.545)
	140.310.629.483	(190.907.168)	124.925.910.364	(350.863.947)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 24 triệu VND (1/1/2015: 10.185 triệu VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho chi nhánh Hải Dương vào năm 2007 để tài trợ vốn lưu động. Vốn hoạt động kinh doanh này không lãi suất và được ghi nhận theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	73.784.396.387	201.596.317.185	4.991.453.929	3.126.247.694	2.333.719.997	285.832.135.192
Tăng trong kỳ	-	90.389.347	-	-	88.000.000	178.389.347
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.096.557.498	-	-	-	1.096.557.498
Số dư cuối kỳ	73.784.396.387	202.783.264.030	4.991.453.929	3.126.247.694	2.421.719.997	287.107.082.037
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	49.848.089.995	160.015.361.700	4.935.437.700	2.847.982.777	2.150.604.515	219.797.476.687
Khấu hao trong kỳ	1.322.105.400	5.381.585.300	37.346.400	65.082.000	21.432.000	6.827.551.100
Số dư cuối kỳ	51.170.195.395	165.396.947.000	4.972.784.100	2.913.064.777	2.172.036.515	226.625.027.787
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	23.936.306.392	41.580.955.485	56.016.229	278.264.917	183.115.482	66.034.658.505
Số dư cuối kỳ	22.614.200.992	37.386.317.030	18.669.829	213.182.917	249.683.482	60.482.054.250

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có số tài sản có nguyên giá 129.114 triệu VND (1/1/2015: 128.949 triệu), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	264.600.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	321.300.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	302.400.000
Số dư cuối kỳ	245.700.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	247.765.045	715.833.145
Tăng trong kỳ	848.792.453	856.510.118
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.096.557.498)	(1.483.237.073)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(51.461.300)
Thanh lý	-	(29.379.890)
Số dư cuối kỳ	-	8.265.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	1/1/2015 VND
Công cụ và dụng cụ	594.111.162	395.414.731
Đồng phục	296.333.100	189.933.300
Bảo hiểm	163.188.434	20.631.350
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	126.962.443	43.115.177
	1.180.595.138	649.094.558

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.595.455.051	643.792.680	2.239.247.731
Tăng trong kỳ	-	503.641.641	503.641.641
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(255.252.400)	(283.676.680)
	1.567.030.771	892.181.921	2.459.212.692

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như sau:

	Thuế suất	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản cố định	15%	393.957.546	373.222.939
Dự phòng phải thu khó đòi	15%	4.422.881	211.156.373
Dự phòng hàng tồn kho	15%	28.636.075	52.629.592
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	15%	151.221.222	369.021.535
		578.237.724	1.006.030.439

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	144.735.976.551	144.735.976.551	117.638.251.207	117.638.251.207
Các nhà cung cấp khác	11.016.926.691	11.016.926.691	8.344.256.253	8.344.256.253
	155.752.903.242	155.752.903.242	125.982.507.460	125.982.507.460

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	155.752.903.242	155.752.903.242	125.982.507.460	125.982.507.460

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ	144.735.976.551	144.735.976.551	117.638.251.207	117.638.251.207

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Cán trừ VND	30/6/2015 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	-	65.026.173.623	(29.230.602.762)	(35.795.570.861)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.408.957.155	3.338.091.710	(3.708.957.155)	-	2.038.091.710
Thuế thu nhập cá nhân	149.887.740	1.062.230.273	(1.064.638.153)	-	147.479.860
	2.558.844.895	69.426.495.606	(34.004.198.070)	(35.795.570.861)	2.185.571.570

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	Cán trừ VND	30/6/2015 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21.580.765.963	43.446.804.390	(21.580.765.963)	(35.795.570.861)	7.651.233.529

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong kỳ			30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	159.660.000.000	159.660.000.000	119.948.704.750	(137.586.804.750)	2.122.100.000	144.144.000.000	144.144.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR + 1.5%	13.104.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (b)	4.000.000 USD	SIBOR + 1.5%	32.760.000.000	51.312.000.000
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.200.000 USD	1% + Chi phí huy động vốn	19.656.000.000	14.966.000.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1.15%	19.656.000.000	14.966.000.000
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	0.95% + Chi phí huy động vốn	13.104.000.000	6.414.000.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	6.552.000.000	12.828.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam (b)	5.000.000 USD	0.5% năm trên Chi phí huy động vốn - được quyết định trên mỗi giao dịch	32.760.000.000	23.518.000.000
Vietcombank, Chi nhánh Đồng Nai (b)	40.000.000.000 VND	USD: 3% VND: Chi phí huy động vốn của Chi nhánh Đồng Nai + 1,5%	-	4.276.000.000
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	USD: SIBOR/Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5%	6.552.000.000	21.380.000.000
			144.144.000.000	159.660.000.000

- a. Khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
b. Khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(12.409.272.806)	287.885.267.150
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	14.381.365.255	14.381.365.255
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	1.972.092.449	302.266.632.405
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	19.589.527.229	19.589.527.229
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	21.561.619.678	321.856.159.634
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.810.506.848	(6.810.506.848)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.157.786.164)	(1.157.786.164)
Cổ tức	-	-	-	(10.392.915.943)	(10.392.915.943)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	17.226.250.450	17.226.250.450
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	20.426.661.173	327.531.707.977

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.651.269.076	3.582.061.857
Trong vòng hai đến năm năm	18.027.025.380	17.910.309.285
Sau năm năm	68.403.051.171	69.150.705.794
	90.081.345.627	90.643.076.936

Chi phí thuê hàng năm của Trụ sở chính bao gồm 2 khoản thuê:

- Tiền thuê đất tại tỉnh Đồng Nai có chi phí thuê hàng năm tối thiểu bao gồm thuế giá trị gia tăng 109.798 USD và phí thuê cơ sở vật chất hàng năm là 25.885 USD trong vòng 50 năm kể từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Tiền thuê đất sẽ tăng tối đa 15% sau mỗi 5 năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 680 triệu trong vòng 6 năm kể từ ngày 6 tháng 1 năm 2015.

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng hóa giữ hộ bên thứ ba	8.515.318.791	7.600.200.435
	8.515.318.791	7.600.200.435

(c) Ngoại tệ

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	637.567	13.886.299.278	227.836	4.840.648.750
		13.886.299.278		4.840.648.750

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ thành phẩm đã bán	465.158.428.566	396.230.020.647
▪ Doanh thu từ hàng hoá đã bán	352.087.180	184.397.613
	<hr/> 465.510.515.746	<hr/> 396.414.418.260
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(194.697.301)
Doanh thu thuần	<hr/> 465.510.515.746	<hr/> 396.219.720.959

22. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	427.765.506.459	368.301.841.986
▪ Hàng hoá đã bán	268.845.902	153.094.441
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(159.956.779)	(522.380.490)
	<hr/> 427.874.395.582	<hr/> 367.932.555.937

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	2.877.717.329	2.125.327.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.158.892.660	205.764.304
	4.036.609.989	2.331.091.873

24. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	1.735.730.301	1.686.114.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.114.142.173	2.104.641.536
	7.849.872.474	3.790.756.062

25. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	227.280.000
Lãi do thanh lý phế liệu	3.589.577.000	2.837.924.300
Thu nhập khác	358.130	4.784.803
	3.589.935.130	3.069.989.103

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	398.105.041.562	343.579.607.389
Chi phí nhân công	17.695.227.535	16.117.528.452
Chi phí khấu hao	6.884.251.100	6.317.597.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.100.262.174	12.372.994.530
Chi phí khác	5.509.508.624	4.318.668.297

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.338.091.710	525.277.468
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	427.792.715	216.444.691
Chi phí thuế thu nhập	3.765.884.425	741.722.159

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.992.134.875	15.123.087.414
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	3.148.820.231	2.268.463.112
Chi phí không được khấu trừ thuế	326.775.672	289.222.734
Ảnh hưởng của thuế suất khác	290.288.522	467.043.856
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-	(2.283.007.543)
	3.765.884.425	741.722.159

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 6 tháng 9 năm 2007, Công ty có được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh để tăng vốn pháp định. Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp (“CIT”) hiện hành, các hoạt động kinh doanh mở rộng sẽ được phân loại là mở rộng đầu tư và thu nhập phát sinh từ mở rộng đầu tư này sẽ chịu thuế suất CIT tiêu chuẩn là 22%. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd – công ty mẹ				
Mua nguyên vật liệu	322.005.508.094	258.554.549.430	143.989.190.669	117.527.393.170
Phí thương hiệu	635.927.845	537.399.177	746.785.882	110.858.037
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán dây và cáp điện	5.836.160.357	556.422.070	5.777.799.393	-
Vốn kinh doanh phân bổ cho chi nhánh	-	-	122.801.647.437	122.801.647.437

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ). Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần bán dây điện từ.

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Trụ sở chính phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng.
- rủi ro thanh khoản. và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Trụ sở chính có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Trụ sở chính sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Trụ sở chính chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Trụ sở chính như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Trụ sở chính. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính.

Các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Trụ sở chính. Trụ sở chính, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Trụ sở chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	163.476.546.068	123.820.631.794
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	170.986.730.467	165.154.210.370
		<hr/>	<hr/>
		334.463.276.535	288.974.842.164

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Trụ sở chính chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Trụ sở chính chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Trụ sở chính đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Trụ sở chính đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Trụ sở chính thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Trụ sở chính hoặc chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong hạn	133.408.898.428	141.808.671.264
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	27.517.620.175	17.354.901.303
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	10.054.295.490	5.668.348.323
Quá hạn trên 180 ngày	5.916.374	322.289.480
	170.986.730.467	165.154.210.370

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau :

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Số dư đầu kỳ	1.407.709.153	1.337.996.614
Tăng dự phòng trong kỳ	-	69.712.539
	1.407.709.153	1.407.709.153

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Trụ sở chính không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Trụ sở chính là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Trụ sở chính luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Trụ sở chính.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
30/6/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	159.884.150.711	159.884.150.711	159.884.150.711
Vay ngắn hạn	144.144.000.000	145.239.232.563	145.239.232.563
	304.028.150.711	305.123.383.274	305.123.383.274
	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
1/1/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	131.417.998.411	131.417.998.411	131.417.998.411
Vay ngắn hạn	159.660.000.000	160.820.817.661	160.820.817.661
	291.077.998.411	292.238.816.072	292.238.816.072

Trụ sở chính quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Trụ sở chính hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Trụ sở chính nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Trụ sở chính có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro hối đoái của Trụ sở chính được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Trụ sở chính có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	637.568	227.838
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.198.276	2.902.102
Vay ngắn hạn	(6.600.000)	(7.000.000)
Phải trả người bán và phải trả khác	(6.827.980)	(5.515.202)
	(10.592.136)	(9.385.262)

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Trụ sở chính áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2015	1/1/2015
USD	21.780	21.380

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Trụ sở chính sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận	
	thuần	
	Từ 1/1/2015	Từ 1/1/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	VND	VND
USD (mạnh thêm 2%) – giảm lợi nhuận thuần	(3.921.844.305)	(2.815.368.595)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Trụ sở chính như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	163.476.546.068	123.820.631.794
	163.476.546.068	123.820.631.794
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính		
▪ Vay ngắn hạn	(144.144.000.000)	(159.660.000.000)
	(144.144.000.000)	(159.660.000.000)

Phân tích độ nhạy giá trị hợp lý cho các công cụ chịu lãi suất cố định

Trụ sở chính không hạch toán những tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất cố định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc vốn chủ sở hữu. Do đó, thay đổi về lãi suất tại ngày báo cáo không tác động gì đến kết quả hoạt động kinh doanh hoặc vốn chủ sở hữu.

Phân tích độ nhạy dòng tiền của công cụ chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ dẫn đến tăng/(giảm) lợi nhuận thuần của Trụ sở chính 1.225 triệu VND (năm kết thúc 31/12/2014: 1.357 triệu VND). Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mỗi tài sản có thể trao đổi, hoặc thanh toán nợ, giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong một giao dịch ngang giá tại ngày đo lường.

So sánh giá trị hợp lý với giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	30/06/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	163.953.153.068	163.953.153.068	124.185.242.794	124.185.242.794
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	170.986.730.467	(*)	165.154.210.370	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(159.884.150.711)	(*)	(131.417.998.411)	(*)
▪ Các khoản vay	(144.144.000.000)	(*)	(159.660.000.000)	(*)

(*) Trụ sở chính chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc